

Số 108/2019/BCKiTTC-TBD

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN HÓC MÔN**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Hóc Môn, được lập ngày 08 tháng 03 năm 2019, từ trang 05 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2018 Công ty chưa tính lỗ hoạt động đầu tư liên doanh, liên kết của Công ty TNHH Minh Long với số tiền 152.659.393 VND. Nếu Công ty ghi nhận khoản lỗ này thì khoản mục "Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất sẽ giảm là 152.659.393 VND. Đồng thời, trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất chỉ tiêu "Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết" sẽ giảm 152.659.393 VND, chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế" sẽ giảm tương ứng 152.659.393 VND.

(BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP TIẾP THEO)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hóc Môn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 03 năm 2019

ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG (PACIFIC AUDIT)

Giám đốc

Kiểm toán viên



Nguyễn Thành Đức

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1498-2018-196-1

Trần Minh Bảo

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3219-2015-196-1



CÔNG TY CỔ PHẦN HỌC MÔN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	TẠI NGÀY 31/12/2018	TẠI NGÀY 01/01/2018
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		112.087.266.193	105.686.522.060
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		5.866.518.259	4.089.103.931
1. Tiền	111	V.01	5.866.518.259	4.089.103.931
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	149.480.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V02a	-	202.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V02a	-	(52.520.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		36.838.553.715	23.641.470.197
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	34.014.405.179	21.244.753.513
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	1.448.862.406	1.010.602.106
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	2.964.566.914	2.975.395.362
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137		(1.603.508.315)	(1.603.508.315)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		14.227.531	14.227.531
IV. Hàng tồn kho	140		61.663.631.080	70.862.656.860
1. Hàng tồn kho	141	V.06	61.663.631.080	70.862.656.860
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.718.563.139	6.943.811.072
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07a	602.249.102	319.537.281
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.08	6.972.853.618	6.407.083.225
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	143.460.419	217.190.566
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HỌC MÔN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		21.741.376.317	25.702.849.864
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		448.352.577	2.497.642.931
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.05	448.352.577	2.497.642.931
II. Tài sản cố định	220		14.423.347.385	16.180.644.050
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	13.439.244.156	14.796.298.487
Nguyên giá	222		28.408.966.120	27.889.739.905
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.969.721.964)	(13.093.441.418)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	984.103.229	1.384.345.563
Nguyên giá	228		4.190.906.636	4.190.906.636
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.206.803.407)	(2.806.561.073)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		742.630.850	811.225.315
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	742.630.850	811.225.315
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		3.000.000.000	3.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V02b	3.000.000.000	3.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.127.045.505	3.213.337.568
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07b	3.094.945.506	3.177.670.902
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		32.099.999	35.666.666
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		133.828.642.510	131.389.371.924

CÔNG TY CỔ PHẦN HỌC MÔN**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	TẠI NGÀY 31/12/2018	TẠI NGÀY 01/01/2018
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		76.644.614.376	75.975.022.913
I. Nợ ngắn hạn	310		76.644.614.376	75.975.022.913
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	43.152.492.533	51.468.772.405
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	944.551.362	416.526.237
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	1.984.645.466	612.900.835
4. Phải trả người lao động	314	V.15	3.499.336.148	2.530.741.936
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	1.329.495.666	1.333.764.559
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	25.469.224.550	19.362.141.209
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	264.868.651	250.175.732
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính ph	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓC MÔN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		57.184.028.134	55.414.349.011
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	57.182.191.558	55.412.512.435
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		45.000.000.000	45.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		45.000.000.000	45.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.335.944.588	5.504.254.560
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		776.107.931	409.965.916
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.468.570.000	3.896.722.920
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.910.989.586	102.106.818
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		557.580.414	3.794.616.102
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		601.569.039	601.569.039
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		1.836.576	1.836.576
1. Nguồn kinh phí	431		1.836.576	1.836.576
2. Nguồn kinh phí đã hình thành	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		133.828.642.510	131.389.371.924

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất.

Ngày 08 tháng 03 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Trần Thanh Nguyên Lộc

Trần Thanh Nguyên Lộc

Nguyễn Công Chiến



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	2018	2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	212.686.162.031	173.862.803.036
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		422.931.681	246.830.177
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		212.263.230.350	173.615.972.859
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	190.134.648.120	150.771.550.660
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		22.128.582.230	22.844.422.199
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	684.814.902	465.073.759
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	2.303.756.247	973.912.475
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		2.001.327.546	903.424.894
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.05	11.015.445.850	13.507.940.468
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	2.646.439.638	3.087.199.701
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.847.755.397	5.740.443.314
12. Thu nhập khác	31	VI.07	55.311.384	123.222.586
13. Chi phí khác	32		5.222.438	-
14. Lợi nhuận khác	40		50.088.946	123.222.586
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.897.844.343	5.863.665.900
16. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	1.370.435.534	1.247.598.001
17. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		(32.099.999)	(35.666.666)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.559.508.808	4.651.734.565
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		5.559.508.808	4.651.734.565
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62			
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		11.122	9.225
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		11.122	9.225

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Ngày 08 tháng 03 năm 2019

Giám đốc

Trần Thanh Nguyên Lộc

Trần Thanh Nguyên Lộc

Nguyễn Công Chiến



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	2018	2017
1	2	3	4	5
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		192.033.768.327	187.811.000.008
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(181.702.894.265)	(177.762.813.473)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(6.855.537.710)	(9.828.616.242)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(2.001.327.546)	(987.394.602)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(550.000.000)	(894.111.556)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3.959.514.685	2.225.265.534
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(4.517.013.660)	(11.807.795.092)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		366.509.831	(11.244.465.423)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.367.164.647)	(3.854.114.429)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		264.200	571.700
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.366.900.447)	(3.853.542.729)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	900.000.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		73.038.487.616	48.721.093.209
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(66.931.404.275)	(43.499.352.000)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.353.920.600)	(1.800.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		2.753.162.741	4.321.741.209
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		1.752.772.125	(10.776.266.943)

CÔNG TY CỔ PHẦN HỌC MÔN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	2018	2017
1	2	3	4	5
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		4.089.103.931	14.852.892.954
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		24.642.203	12.477.920
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		5.866.518.259	4.089.103.931

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất.

Ngày 08 tháng 03 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Trần Thanh Nguyên Lộc

Trần Thanh Nguyên Lộc

Nguyễn Công Chiến

